



ĐIỂM TIN CHÍNH

- Phiên cuối của tuần, nhà đầu tư nhận được số liệu khả quan về lạm phát, điểm dữ liệu có thể mang tới thêm lý do để Fed tiếp tục cắt giảm lãi suất. Báo cáo từ Bộ Thương mại Mỹ chỉ thấy chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng - tăng 0,1% trong tháng 8, phù hợp với dự báo mà các nhà kinh tế học đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. So với cùng kỳ năm ngoái, PCE tăng 2,2%, thấp hơn mức dự báo là tăng 2,3%.
- Sau khi báo cáo được công bố, thị trường tăng nhẹ đặt cược vào khả năng Fed tiếp tục giảm lãi suất mạnh tay trong cuộc họp tháng 11. Theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME, các nhà giao dịch đang đặt cược khả năng hơn 54% Fed chọn mức giảm lãi suất 0,5 điểm phần trăm trong cuộc họp tới, và gần 46% đặt cược vào mức giảm 0,25 điểm phần trăm.
- Trong phiên 27/9, Ngân hàng Nhà nước đã cho 5 thành viên vay gần hơn 19.800 tỷ đồng thông qua kênh cho vay và cầm cố giấy tờ có giá (OMO) với lãi suất 4%/năm, kỳ hạn 7 ngày. Trong 4 ngày trước đó, nhà điều hành cũng đã cho các thành viên vay khoảng 48.000 tỷ đồng, với cùng mức lãi suất và kỳ hạn như trên. Theo dữ liệu từ WiChart, tổng lượng tín phiếu đang lưu hành bằng 0, trong khi OMO lưu hành là 67.359 tỷ đồng. Như vậy, NHNN đang duy trì trạng thái bơm ròng khoảng gần 67.400 tỷ đồng, cao nhất kể từ tháng 2/2023.
- **VCI:** Ngày 26/9, hội đồng quản trị Chứng khoán Vietcap thông qua phương án phát hành riêng lẻ với khối lượng 143,6 triệu cp, chiếm 25% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá chào bán được xác định là 28.000 đồng/cp, tương đương dự thu hơn 4.020 tỷ đồng.
- **NKG:** Thép Nam Kim thông qua kế hoạch chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50%, tương ứng cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới với giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian dự kiến triển khai từ quý III đến quý IV/2024, sau khi được UBCK Nhà nước chấp thuận. Như vậy, với 263,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Thép Nam Kim dự kiến sẽ chào bán thêm 131,6 triệu cổ phiếu để huy động 1.579,7 tỷ đồng.
- **TCM:** Luỹ kế 9 tháng năm 2024, doanh thu TCM đạt hơn 117,68 triệu USD lợi nhuận sau thuế ước đạt xấp xỉ 9 triệu USD. Về tình hình đơn hàng, hiện Dệt may Thành Công đã và đang nhận khoảng 92% kế hoạch doanh thu cho đơn hàng quý IV/2024 và khoảng 90% kế hoạch doanh thu đơn hàng năm 2024.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.580,99	0,13	25,11
Dầu WTI	68,89	0,35	-3,85
Dầu Brent	71,76	0,21	-6,85
Than	137,90	-0,18	-5,81
Đồng	9.308,00	1,00	8,75
Quặng sắt	93,32	-1,85	-32,34
Thép	452,00	-0,66	-19,95

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	100,961	-0,15	-0,37
USD/JPY	140,53	0,23	0,36
USD/CNY	7,0972	0,28	0,04
EUR/USD	1,1088	0,12	0,44
GBP/USD	1,3141	0,13	3,22

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,00%	07/11/2024	-0,50
ECB	3,65%	17/10/2024	-0,25
BOE	5,00%	07/11/2024	-0,25
BOJ	0,25%	31/10/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
VPB	657.741	19.750	0,77
SSI	569.987	27.600	0,36
HPG	564.100	26.050	0,00
VHM	549.752	43.400	-2,25
STB	517.473	33.600	2,60

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	516.991	92.500	0,00
BID	285.592	50.100	0,20
CTG	198.690	37.000	1,65
FPT	195.992	134.200	-0,07
VHM	188.980	43.400	-2,25

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

NKG**Khuyến nghị**

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

NĂM GIỮ

21.850

23.500

7,55%

20.500-21.000

<20.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Thép Nam Kim thông qua kế hoạch chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50%, tương ứng cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới với giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian dự kiến triển khai từ quý III đến quý IV/2024, sau khi được UBCK Nhà nước chấp thuận.
- Lũy kế nửa đầu năm 2024, Thép Nam Kim ghi nhận doanh thu đạt 10.952 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 460 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt gần 370 tỷ đồng, tăng 386% so với cùng kỳ năm trước.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- NKG có 3 tuần điều chỉnh, tích lũy quanh vùng 21.000-21.500 đồng. Các chỉ báo kỹ thuật sớm như Stochastics, OBV cho tín hiệu mua trở lại. Nhà đầu tư có thể canh giải ngân tỷ trọng nhỏ quanh vùng hỗ trợ 20.500-21.000 đồng, tăng tỷ trọng nếu cổ phiếu vượt lên trên vùng 21.400 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q2 2024
DTT (tỷ đ)	23.071	18.596	5.660
LNTT (tỷ đ)		117	273
LNST (tỷ đ)		117	220
Nợ/VCSH (%)			
ROE (%)		2,19	3,87
ROA (%)		0,91	1,70
EPS (VNĐ)		446	1.580
P/E (lần)		55,28	14,91
P/B (lần)			

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU**Chỉ báo kỹ thuật**

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	NEUTRAL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	54,45	BUY
MACD (12,26)	-0,04	SELL
ADX (14)	15,33	BUY
SMA5	21.540	BUY
SMA20	21.329	BUY
SMA50	21.720	BUY
SMA100	23.420	SELL
SMA200	23.800	SELL

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GVR	Mua	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5			4,35%
2	DBC	Nắm giữ	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27			2,47%
3	NLG	Nắm giữ	39-40,3	4/9/2024	40,3	45,3	38,8			3,60%
4	DCM	Nắm giữ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2			3,38%
5	MWG	Nắm giữ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8			3,05%
6	NKG	Mua	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20			4,05%
7	PLX	Mua	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8			-0,88%
8	PVT	Mua	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6			0,36%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PVD	Chốt lời	29-30	23/4/2024	30	33,8	28,8	22/5/2024	33,2	10,67%
2	VHC	Cơ cấu	73-74,5	3/5/2024	74	83,2	71	27/5/2024	73	-1,35%
3	CTD	Chốt lời	69,5-71,6	22/5/2024	71,6	79,6	68	28/5/2024	75,2	5,85%
4	NKG	Cơ cấu	23,9-24,3	24/5/2024	24,3	27,3	23,6	30/5/2024	24,75	1,85%
5	PC1	Chốt lời	28,2-29	1/7/2024	28,7	32,6	27,6	45633	31,6	10,10%
6	VSC	Cắt lỗ	21-21,7	6/6/2024	21,7	24,3	20,7	17/7/2024	20,7	-4,61%
7	PHR	Cắt lỗ	60-61,5	6/6/2024	61	68,1	58	17/7/2024	58	-4,92%
8	MSN	Cắt lỗ	74,2-76,2	17/6/2024	76,2	86,3	72,5	17/7/2024	72,5	-4,86%
9	BSR	Chốt lời	21,5-22	5/8/2024	21,5	25,1	20,9	15/8/2024	23,2	7,91%
10	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
11	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
12	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
13	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
14	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
15	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị: 20/1/2024

MHCP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
MHCP	MESN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Dưới 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
MHCP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,900 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi/kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room